

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**

*Báo cáo của Hội đồng Quản trị  
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015*



## MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 3
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
3. Bảng cân đối kế toán	6 - 7
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 29

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

### 1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Bùi Thị Thu Hương	Chủ tịch
Ông Phan Lê Hoan	Phó Chủ tịch
Ông Lương Hoài Nam	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên
Ông Võ Tá Quế	Thành viên
Ông Đoàn Ngọc Cương	Thành viên
Ông Lê Xuân Lộc	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên
Ông Bùi Á Đông	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Khoa Năng Lưu	Thành viên
Bà Trần Thị Huyền Trân	Thành viên

### 2. Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Tổng Giám đốc
Ông Tô Hiến Phụng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thái Sơn	Phó Tổng Giám đốc

### 3. Các hoạt động chính

Dịch vụ giao nhận, bốc xếp hàng hóa. Lưu giữ hàng hóa. Hoạt động dịch vụ mặt đất cảng hàng không. Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan. Kinh doanh bất động sản.

### 4. Trụ sở chính

30 Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

### 5. Kết quả của năm tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được trình bày từ trang 06 đến trang 29.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 6. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

### 7. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính.

### 8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

### 9. Các cam kết khác

Công ty phải phân phối lợi nhuận sau thuế hàng năm không phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho Công ty TNHH MTV Sửa chữa Máy bay 41 (trước đây là Công ty Sửa chữa Máy bay A41) cho giai đoạn từ năm 2014 đến 2057 theo hợp đồng hợp tác khai thác dịch vụ tổng hợp hàng không số 01/2015/PKKQ-SCSC tháng 01 năm 2015 giữa Công ty và Quân chủng Phòng không – Không quân (đơn vị chủ quản của Công ty TNHH MTV Sửa chữa Máy bay 41)

### 10. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

### 11. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Công ty cam kết không có bất kỳ các thỏa thuận ràng buộc nào khác với bất kỳ các đối tác nào của Công ty ngoài các bên và số liệu đã được thể hiện trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 26 tháng 02 năm 2016

11/3/2016  
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Số: 480/DFK-BCKT

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**

### **Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn, được lập ngày 26 tháng 02 năm 2016, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2016

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam

**P. GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN VĂN TUYÊ**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0111-2013-042-1

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**HỒ ĐẮC HIẾU**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0458-2013-042-1



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>72.808.479.351</b>	<b>38.600.905.987</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>	V.01	<b>22.167.360.694</b>	<b>16.581.678.878</b>
1. Tiền	111		22.167.360.694	16.581.678.878
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>120</b>		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<b>130</b>		<b>49.508.580.644</b>	<b>20.862.754.572</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	31.907.902.269	19.709.368.535
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		985.535.860	726.716.137
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03a	16.665.321.328	476.848.713
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.04	(50.178.813)	(50.178.813)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>		<b>336.299</b>	-
1. Hàng tồn kho	141		336.299	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>		<b>1.132.201.714</b>	<b>1.156.472.537</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09a	1.132.201.714	1.156.472.537
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>849.476.557.361</b>	<b>907.001.461.381</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		<b>3.286.565.000</b>	<b>3.286.565.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.03b	3.286.565.000	3.286.565.000
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>660.289.395.304</b>	<b>828.949.229.441</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	609.792.720.903	770.959.955.837
- Nguyên giá	222		766.110.376.698	910.319.664.759
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(156.317.655.795)	(139.359.708.922)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.06	42.892.330.324	48.405.296.039
- Nguyên giá	225		64.851.658.199	64.851.658.199
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(21.959.327.875)	(16.446.362.160)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	7.604.344.077	9.583.977.565
- Nguyên giá	228		15.339.962.285	15.339.962.285
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.735.618.208)	(5.755.984.720)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<b>230</b>	V.08	<b>113.695.542.763</b>	-
1. Nguyên giá	231		143.178.724.287	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(29.483.181.524)	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<b>240</b>		-	<b>221.773.024</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	221.773.024
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	<b>250</b>		-	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	<b>260</b>		<b>72.205.054.294</b>	<b>74.543.893.916</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09b	69.817.518.368	72.156.357.990
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		2.387.535.926	2.387.535.926
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>922.285.036.712</b>	<b>945.602.367.368</b>





# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>313.045.620.564</b>	<b>456.177.368.049</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>129.396.692.287</b>	<b>135.290.401.747</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	4.594.629.660	1.759.594.366
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		35.818.343	504.142
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	18.188.996.291	17.399.230.743
4. Phải trả người lao động	314		7.754.464.500	5.719.000.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	3.406.712.402	877.814.276
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15a	7.138.132.078	7.850.344.161
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	1.485.830.485	15.670.934.293
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	86.690.666.686	85.856.537.924
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		101.441.842	156.441.842
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>183.648.928.277</b>	<b>320.886.966.302</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15b	20.200.000.000	26.800.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	7.995.144.479	7.072.425.381
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	61.888.740.699	287.014.540.921
4. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.16	93.565.043.099	-
<b>D. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	<b>V.17</b>	<b>609.239.416.148</b>	<b>489.424.999.319</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>609.239.416.148</b>	<b>489.424.999.319</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		480.000.000.000	480.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		408.100.000.000	408.100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		71.900.000.000	71.900.000.000
2. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		6.155.269.227	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.090.557.577	1.104.557.577
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		120.993.589.344	8.320.441.742
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.734.440.742	(56.209.298.085)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		115.259.148.602	64.529.739.827
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>922.285.036.712</b>	<b>945.602.367.368</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Ngô Thị Anh Thư  
Người lập biểu



Lê Xuân Lộc  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Khánh  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 02 năm 2016

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN


## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính từ ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	341.091.180.037	275.464.508.105
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		341.091.180.037	275.464.508.105
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	103.345.039.040	93.262.845.257
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		237.746.140.997	182.201.662.848
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	280.386.922	189.763.672
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	27.289.076.251	38.691.867.141
- Trong đó: Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính và lãi nợ chuyển đổi	23		22.674.608.658	37.308.561.926
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.05	50.604.292.285	46.087.937.872
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		160.133.159.383	97.611.621.507
11. Thu nhập khác	31	VI.06	149.963.233	130.177.227
12. Chi phí khác	32	VI.07	4.885.867.758	1.310.081.606
13. Lợi nhuận khác (lỗ)	40		(4.735.904.525)	(1.179.904.379)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		155.397.254.858	96.431.717.128
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	20.138.106.256	11.901.977.301
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		135.259.148.602	84.529.739.827
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.824	1.542

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Ngô Thị Anh Thu  
Người lập biểu



Lê Xuân Lộc  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Khánh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 26 tháng 02 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính từ ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>155.397.254.858</b>	<b>96.431.717.128</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	54.107.234.832	53.981.684.619
Các khoản dự phòng	03	-	50.178.813
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	4.583.912.037	1.383.305.215
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(280.283.797)	(134.659.423)
Chi phí lãi vay	06	22.674.608.658	37.308.561.926
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>236.482.726.588</b>	<b>189.020.788.278</b>
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(28.580.273.776)	(4.308.407.944)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(336.299)	586.817.167
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	18.694.613.006	(12.074.081.869)
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	4.882.457.521	3.274.681.295
Tiền lãi vay đã trả	14	(23.087.640.782)	(37.657.645.545)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(18.316.442.786)	(26.762.143)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	6.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.600.001.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>188.475.102.472</b>	<b>138.821.389.240</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.440.517.510)	(4.385.974.308)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	280.283.797	134.659.423
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.160.233.713)</b>	<b>(4.251.314.885)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	104.668.412.343	15.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(223.464.858.094)	(135.990.255.336)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(12.000.000.000)	(7.000.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(50.963.034.820)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(181.759.480.571)</b>	<b>(127.990.255.336)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>5.555.388.188</b>	<b>6.579.819.019</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	16.581.678.878	10.003.755.720
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	30.293.628	(1.895.861)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>22.167.360.694</b>	<b>16.581.678.878</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Ngô Thị Anh Thư  
Người lập biểu



Lê Xuân Lộc  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Khánh  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 02 năm 2016

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103009937 ngày 08/4/2008, và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 28/7/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 480.000.000.000 đồng.

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Saigon Cargo Service Corporation (Viết tắt: "SCSC")

Trụ sở chính đặt tại: 30 Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại - Dịch vụ

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Dịch vụ giao nhận hàng hóa, bốc xếp hàng hóa. Kinh doanh bất động sản. Hoạt động dịch vụ mặt đất cảng hàng không. Thi công xây dựng cầu cảng, công trình dân dụng - công nghiệp. Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô. Lưu giữ hàng hóa. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan. Dạy nghề.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm tài chính này, Công ty đã huy động vốn bổ sung từ nguồn nợ chuyển đổi với tổng giá trị là 97.944.000.000 đồng, có thời hạn là 02 năm, lãi suất là 4% năm.

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính đều được đáp ứng.

### II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

#### 1. Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm).

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

### III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Trong năm tài chính 2015, Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

## IV. Các chính sách kế toán áp dụng

### 1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam được thực hiện như sau:

**Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:**

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;

- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

**Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:**

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính

### 2. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền

Lãi suất thực tế (hay còn gọi là lãi suất hiệu lực) được xác định là lãi suất ngân hàng thương mại cho vay đang áp dụng phổ biến trên thị trường tại thời điểm giao dịch.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới ba tháng, vàng các loại không được sử dụng như hàng tồn kho, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu.

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

### 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

#### Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 45 năm
Máy móc thiết bị	03 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10 năm
Dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
Tài sản cố định khác	03 - 12 năm
Phần mềm vi tính	03 - 08 năm

#### Hợp đồng thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hoá trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản nhằm phản ánh tỷ lệ lãi suất bình ổn phát sinh trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hoá được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính hoặc theo thời hạn thuê tài sản, nếu có cam kết là bên thuê sẽ không được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Thời gian khấu hao của Tài sản thuê tài chính

10 - 15 năm

### Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản.

Hiện tại, bất động sản đầu tư đang được Công ty ghi nhận và hạch toán theo giá trị sổ sách kế toán.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán.

Thời gian khấu hao của Nhà văn phòng

10 - 45 năm

Thời gian khấu hao của Sân đậu máy bay

10 - 20 năm

### 7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	02 - 05 năm
- Chi phí bản quyền phần mềm vi tính	01 năm
- Chi phí chờ phân bổ khác (chi phí bảo hiểm,...)	01 - 03 năm
- Chi phí tiền thuê đất	49 năm
- Phần chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của TSCĐ bán và thuê lại là thuê tài chính	10 - 15 năm

### 8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc không bao gồm các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay. Nợ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê. Công ty trình bày chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính theo kỳ hạn phải trả, các khoản vay và nợ có thời gian trả nợ dưới 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, trường hợp ngược lại thì trình bày vay và nợ thuê tài chính dài hạn

### 10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm phát sinh, trừ các khoản chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ là:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản khi đáp ứng đủ các điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngưng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### 11. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và quy chế tiền lương của Công ty. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

### 12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được trình bày trên báo cáo tài chính là doanh thu nhận trước bao gồm: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

### 14. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi (Nợ chuyển đổi)

Nợ chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt giá trị cấu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn (quyền chọn chuyển đổi cổ phiếu); phần nợ gốc của nợ chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả; quyền chọn chuyển đổi cổ phiếu của nợ chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu. Giá trị các cấu phần của nợ chuyển đổi được xác định như sau:

- Giá trị phần nợ gốc của nợ chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi của khoản nợ) về giá trị hiện tại theo lãi suất của khoản nợ tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu và trừ đi chi phí phát hành nợ chuyển đổi. Trường hợp không xác định được lãi suất của khoản nợ tương tự, Công ty sử dụng lãi suất đi vay được sử dụng trong phần lớn các giao dịch trên thị trường tại thời điểm phát hành khoản nợ để xác định giá trị hiện tại của khoản thanh toán trong tương lai.

- Giá trị cấu phần vốn của nợ chuyển đổi được xác định là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành nợ chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của nợ chuyển đổi tại thời điểm phát hành.



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

#### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

### 16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

**Doanh thu bán hàng** được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ** được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Thu nhập khác:** bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

### 17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư.

Các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động ((trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...

### 18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

### 19. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên thu nhập chịu thuế. Căn cứ giấy chứng nhận đầu tư số 41121000112, chứng nhận lần đầu ngày 20/4/2009, các văn bản pháp lý và công văn trả lời từ các cơ quan có liên quan, Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 9 năm tính từ kỳ tính thuế năm 2015 đến 2023 (Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty được giảm 50%). Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

#### Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

#### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

### 21. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

## V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.525.452.946	1.371.841.602
Tiền gửi ngân hàng	(*) 20.641.907.748	15.209.837.276
<b>Cộng</b>	<b>22.167.360.694</b>	<b>16.581.678.878</b>

(\*) Trong đó, bao gồm số dư các khoản tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 16,828.44 USD tương đương với 377.714.335 đồng.

2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Emirates Airlines	4.096.500.801	1.001.638.371
- Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Hóa Tân Sơn Nhất	3.527.185.257	2.045.981.461
- Công Ty Cổ Phần Vietjet Air Cargo	5.213.398.778	2.089.988.359
- Các khoản phải thu khách hàng khác	19.070.817.433	14.571.760.344
<b>Cộng</b>	<b>(*) 31.907.902.269</b>	<b>19.709.368.535</b>

(\*) Chủ yếu bao gồm các khoản phải thu liên quan đến hoạt động dịch vụ ga hàng hóa. Trong đó, bao gồm khoản phải thu có gốc ngoại tệ là 69,386.04 USD tương đương 1.557.369.667 đồng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Phải thu khác	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Phải thu Cục thuế TP.HCM liên quan đến khoản thuế GTGT hàng nhập khẩu	22.689.241	-	22.689.241	-
- Phải thu thuế TNCN	337.833.450	-	94.427.442	-
- Phải thu liên quan đến cổ tức năm 2014 đã chi cho các cổ đông	15.963.034.820	-	-	-
- Các khoản tạm ứng	102.880.513	-	257.276.552	-
- Phải thu khác	238.883.304	-	102.455.478	-
<b>Cộng</b>	<b>16.665.321.328</b>	<b>-</b>	<b>476.848.713</b>	<b>-</b>

<b>b) Dài hạn</b>				
- Ký quỹ thuê máy photocopy, thuê xe nâng	44.000.000	-	44.000.000	-
- Khoản ký quỹ cho Hợp đồng thuê tài chính	3.242.565.000	-	3.242.565.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.286.565.000</b>	<b>-</b>	<b>3.286.565.000</b>	<b>-</b>

4. Nợ xấu	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm:	35.328.813	-	CJSC Aerosvit Airlines	35.328.813	-	CJSC Aerosvit Airlines
	14.850.000	-	Công ty TNHH Phi Bo	14.850.000	-	Công ty TNHH Phi Bo
<b>Cộng</b>	<b>50.178.813</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>50.178.813</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

### 5. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	599.814.799.088	239.064.538.307	38.402.711.425	28.504.396.828	4.533.219.111	910.319.664.759
Mua trong năm		510.517.510	930.000.000	-	-	1.440.517.510
Giảm do phân loại sang BĐSĐT	(143.178.724.287)	-	-	-	-	(143.178.724.287)
Giảm do phân loại sang CCDC	-	(2.471.081.284)	-	-	-	(2.471.081.284)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>456.636.074.801</b>	<b>237.103.974.533</b>	<b>39.332.711.425</b>	<b>28.504.396.828</b>	<b>4.533.219.111</b>	<b>766.110.376.698</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính từ ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**5. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải,	Dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	65.695.350.241	48.533.326.927	13.768.902.298	9.873.104.661	1.489.024.795	139.359.708.922
Khấu hao trong năm	19.650.490.080	16.254.489.511	4.524.981.471	3.084.790.224	350.307.429	43.865.058.715
Giảm do phân loại sang BĐSĐT	(26.733.604.610)	-	-	-	-	(26.733.604.610)
Giảm do phân loại sang CCDC	-	(173.507.232)	-	-	-	(173.507.232)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>58.612.235.711</b>	<b>64.614.309.206</b>	<b>18.293.883.769</b>	<b>12.957.894.885</b>	<b>1.839.332.224</b>	<b>156.317.655.795</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	534.119.448.847	190.531.211.380	24.633.809.127	18.631.292.167	3.044.194.316	770.959.955.837
Tại ngày cuối năm	398.023.839.090	172.489.665.327	21.038.827.656	15.546.501.943	2.693.886.887	609.792.720.903

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp đảm bảo khoản vay là 177.769.768.378 đồng.

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.996.588.647 đồng.

**6. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	61.058.712.000	3.792.946.199	64.851.658.199
Số dư cuối năm	<b>61.058.712.000</b>	<b>3.792.946.199</b>	<b>64.851.658.199</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	15.335.846.635	1.110.515.525	16.446.362.160
Khấu hao trong năm	5.133.671.101	379.294.614	5.512.965.715
Số dư cuối năm	<b>20.469.517.736</b>	<b>1.489.810.139</b>	<b>21.959.327.875</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	45.722.865.365	2.682.430.674	48.405.296.039
Tại ngày cuối năm	<b>40.589.194.264</b>	<b>2.303.136.060</b>	<b>42.892.330.324</b>

\* Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản: thuyết minh tại mục V.10

**7. Tài sản cố định vô hình (phần mềm vi tính)**

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
<b>Nguyên giá</b>	15.339.962.285	-	-	15.339.962.285
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	5.755.984.720	1.979.633.488	-	7.735.618.208
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>9.583.977.565</b>			<b>7.604.344.077</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 8. Bất động sản đầu tư

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
<b>Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
<b>Nguyên giá</b>	-	<b>143.178.724.287</b>	-	<b>143.178.724.287</b>
- Nhà văn phòng	-	44.825.141.182	-	44.825.141.182
- Sân đậu máy bay	-	98.353.583.105	-	98.353.583.105
<b>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</b>	-	<b>29.483.181.524</b>	-	<b>29.483.181.524</b>
- Nhà văn phòng	-	5.512.607.732	-	5.512.607.732
- Sân đậu máy bay	-	23.970.573.792	-	23.970.573.792
<b>Giá trị còn lại</b>	-			<b>113.695.542.763</b>
- Nhà văn phòng	-			39.312.533.450
- Sân đậu máy bay	-			74.383.009.313

Bất động sản đầu tư tăng lên trong năm do phân loại từ tài sản cố định hữu hình sang.

(\*) Trong đó, bao gồm khấu hao lũy kế đến ngày 31/12/2014 chuyển sang là 26.733.604.610 đồng và khấu hao phát sinh trong năm là 2.749.576.914 đồng.

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>9. Chi phí trả trước</b>		
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	860.625.895	730.133.463
- Chi phí bản quyền phần mềm vi tính chờ phân bổ	50.180.667	234.375.000
- Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ	221.395.154	191.964.074
<b>Cộng</b>	<b>1.132.201.714</b>	<b>1.156.472.537</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.528.273.374	2.166.880.674
- Giá trị tiền thuê đất (*)	62.117.687.075	63.585.034.016
- Phần chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá bán TSCĐ đối với hợp đồng bán tài sản cố định và thuê lại tài sản thuê tài chính	5.730.344.419	6.357.824.083
- Chi phí chờ phân bổ khác (chi phí bảo hiểm tài sản, bảo trì...)	441.213.500	46.619.218
<b>Cộng</b>	<b>69.817.518.368</b>	<b>72.156.357.990</b>

(\*) Giá trị tiền thuê khu đất 14,3 ha tại số 6, đường Thăng Long, phường 14, quận Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh (Nay là khu đất thuộc địa chỉ 30 Phan Thúc Duyệt, quận Tân Bình, Tp. HCM), theo biên bản thỏa thuận góp vốn từ Công ty TNHH MTV Sửa chữa Máy bay 41 (trước đây là Công ty Sửa chữa Máy bay A41), với tổng chi phí thuê là 71.900.000.000 đồng theo giá quy định hiện hành của Nhà nước, ổn định trong 15 năm, 05 tháng đầu / thời hạn 49 năm của dự án. Công ty đang tiến hành phân bổ theo thời gian của dự án "Trung tâm Dịch vụ Hàng Hóa Hàng không sân bay Tân Sơn Nhất" là 49 năm tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư (ngày 20/4/2009).

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 10. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>						
- Vietin Bank	15.000.000.000	15.000.000.000	6.493.772.423	21.493.772.423	-	-
- Nợ dài hạn đến hạn:	70.856.537.924	70.856.537.924	-	-	86.690.666.686	86.690.666.686
+ Vay dài hạn	58.856.537.924	58.856.537.924	-	-	74.690.666.686	74.690.666.686
+ Nợ thuê tài chính	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-	12.000.000.000	12.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>85.856.537.924</b>	<b>85.856.537.924</b>	<b>6.493.772.423</b>	<b>21.493.772.423</b>	<b>86.690.666.686</b>	<b>86.690.666.686</b>
<b>b) Dài hạn</b>						
- Vay dài hạn:						
Ngân hàng TMCP Á Châu						
- Từ 1 năm trở xuống	58.856.537.924	58.856.537.924			74.690.666.686	74.690.666.686
- Trên 1 năm đến 5 năm	251.015.944.531	251.015.944.531	4.679.414.211	201.971.085.671	37.890.144.309	37.890.144.309
<b>Cộng</b>	<b>309.872.482.455</b>	<b>309.872.482.455</b>	<b>4.679.414.211</b>	<b>201.971.085.671</b>	<b>112.580.810.995</b>	<b>112.580.810.995</b>
- Nợ thuê tài chính:						
Thời hạn		Năm trước			Năm nay	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
- Từ 1 năm trở xuống	12.000.000.000		7.000.000.000	12.000.000.000		12.000.000.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	35.998.596.390	4.310.323.718	-	23.998.596.390	3.026.649.782	-
<b>Cộng</b>	<b>47.998.596.390</b>	<b>4.310.323.718</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>35.998.596.390</b>	<b>3.026.649.782</b>	<b>12.000.000.000</b>
- Nợ dài hạn đến hạn trả	(70.856.537.924)			(86.690.666.686)		
<b>Cộng vay và nợ dài hạn (b)</b>	<b>287.014.540.921</b>			<b>61.888.740.699</b>		

### Vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Á Châu - Sở Giao dịch 2:

- Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 60866429 ngày 15/6/2009 với hạn mức tín dụng được cấp là 480.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 120 tháng, thời gian ân hạn 24 tháng, lãi vay được trả hàng tháng. Mục đích vay là đầu tư xây dựng nhà ga hàng hóa - Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất. Tài sản đảm bảo: Quyền khai thác dự án nhà ga hàng hóa với trị giá ước tính 630 tỷ đồng và toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay với tổng trị giá ước tính 266 tỷ đồng. Dư nợ vay tại ngày 31/12/2015 là 89.877.290.568 đồng bao gồm 73.801.237.072 đồng và 713,539.88 USD tương đương 16.076.053.496 đồng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 97705549 ngày 06/10/2010 với hạn mức được cấp là 50.000.000.000 đồng. Thời hạn vay đến hết ngày 25/6/2019; lãi vay được trả hàng tháng. Mục đích vay là: đầu tư xây dựng nhà ga hàng hóa sân bay Tân Sơn Nhất. Tài sản đảm bảo: Quyền khai thác dự án nhà ga hàng hóa sân bay Tân Sơn Nhất; Máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay (01 xe nâng Dầu Diesel Komatsu, 111 xe nâng hàng Dolly/Trolley, 06 chiếc xe nâng). Dư nợ vay tại ngày 31/12/2015 là 1,007,701.75 USD tương đương 22.703.520.428 đồng.

Nợ thuê tài chính liên quan đến hợp đồng thuê tài chính từ Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu (ACB Leasing) theo hai hợp đồng thuê:

Hợp đồng số 02.12.11/HĐCTTC-SCSC ngày 27/12/2011, với số tiền được giải ngân là 49.726.525.357 đồng; thời hạn cho thuê là 84 tháng; lãi cho thuê tài chính được thay đổi định kỳ 03 tháng/lần; trả nợ gốc tiền thuê tài chính định kỳ 03 tháng/lần. Sau khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, Công ty sẽ mua lại tài sản thuê với giá mua lại tối thiểu là 1 triệu đồng. Dư nợ gốc thuê tài chính tại ngày 31/12/2015 là 30.000.000.001 đồng.

Hợp đồng số 02.12.11/HĐCTTC1-SCSC ngày 01/02/2012, với số tiền được giải ngân là 10.272.071.033 đồng; thời hạn cho thuê là 84 tháng; lãi cho thuê tài chính được thay đổi định kỳ 03 tháng/lần; trả nợ gốc tiền thuê tài chính định kỳ 03 tháng/lần. Sau khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, Công ty sẽ mua lại tài sản thuê với giá mua lại tối thiểu là 1 triệu đồng. Dư nợ gốc thuê tài chính tại ngày 31/12/2015 là 5.998.596.389 đồng.

### 11. Phải trả người bán

Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- CN Tổng Công ty Hàng Không VN	2.346.445.219	2.346.445.219	543.851.869	543.851.869
- Công ty TNHH Vận tải Sao Xanh	725.933.010	725.933.010	496.575.391	496.575.391
- Phải trả cho các đối tượng khác	1.522.251.431	1.522.251.431	719.167.106	719.167.106
<b>Cộng</b>	<b>4.594.629.660</b>	<b>4.594.629.660</b>	<b>1.759.594.366</b>	<b>1.759.594.366</b>

### 12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Phải nộp	Số phải nộp		Số đã thực nộp	
	Số đầu năm	trong năm	trong năm	Số cuối năm
- Thuế GTGT	3.776.079.667	25.796.781.241	26.823.852.536	2.749.008.372
- Thuế nhập khẩu	-	720.000	720.000	-
- Thuế TNDN	13.354.345.670	20.138.106.256	18.316.442.786	15.176.009.140
- Thuế TNCN	268.805.406	1.765.946.646	1.770.773.273	263.978.779
- Thuế và các khoản phải nộp khác	-	2.650.791.635	2.650.791.635	-
<b>Cộng</b>	<b>17.399.230.743</b>	<b>50.352.345.778</b>	<b>49.562.580.230</b>	<b>18.188.996.291</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính từ ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>13. Chi phí phải trả</b>		
<b>Ngắn hạn</b>		
- Chi phí lãi vay ngân hàng, lãi thuê tài chính còn phải trả	299.032.152	712.064.276
- Lãi nợ chuyển đổi	2.437.717.333	-
- Chi phí tư vấn nợ chuyển đổi	100.000.000	-
- Chi phí phải trả khác	569.962.917	165.750.000
<b>Cộng</b>	<b>3.406.712.402</b>	<b>877.814.276</b>
<b>14. Phải trả khác</b>		
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	1.720.606
- Kinh phí công đoàn	411.044.603	663.213.687
- Phải trả Công ty TNHH MTV Sửa chữa Máy bay 41 liên quan đến lợi nhuận phân phối năm 2014	-	15.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.074.785.882	6.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.485.830.485</b>	<b>15.670.934.293</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	7.995.144.479	7.072.425.381
<b>15. Doanh thu chưa thực hiện</b>		
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Doanh thu nhận trước liên quan đến cho thuê văn phòng,...	538.132.078	1.250.344.161
- Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến việc cho Tổng Công ty Hàng không miền Nam thuê sân đậu máy bay (phần ngắn hạn)	6.600.000.000	6.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>7.138.132.078</b>	<b>7.850.344.161</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến việc cho Tổng Công ty Hàng không miền Nam thuê sân đậu máy bay (phần dài hạn)	20.200.000.000	26.800.000.000
<b>16. Trái phiếu chuyển đổi (Nợ chuyển đổi):</b>		
(Là khoản nợ chuyển đổi theo các hợp đồng mua bán nợ chuyển đổi số SCSC-01/04/2015 ngày 09/4/2015 và SCSC-02/04/2015 ngày 10/4/2015)		
- Giá trị phần nợ gốc	91.788.730.773	-
- Phần chênh lệch giữa số lãi phải trả của khoản nợ tính theo lãi suất thực tế và số lãi tính theo lãi suất danh nghĩa	1.845.756.770	-
- Chi phí phát hành nợ chuyển đổi	(100.000.000)	-
- Phân bổ chi phí phát hành nợ chuyển đổi trong kỳ	30.555.556	-
<b>Cộng</b>	<b>93.565.043.099</b>	<b>-</b>





# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### a. Nợ chuyển đổi phát hành thêm trong năm:

- Thời điểm phát hành ngày 20/4/2015, kỳ hạn gốc từng khoản nợ chuyển đổi là 24 tháng;
- Tổng giá trị khoản nợ chuyển đổi: 97.944.000.000 đồng;
- Lãi suất của khoản nợ chuyển đổi: 4%/năm;
- Giá chuyển đổi: 12.000 đồng;
- Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng khoản nợ chuyển đổi: 7,5%/năm;
- Giá trị phần nợ gốc: 91.788.730.773 đồng; Giá trị phần quyền chọn cổ phiếu của từng khoản nợ chuyển đổi: 6.155.269.227 đồng.

### b. Nợ chuyển đổi tại thời điểm cuối năm:

- Kỳ hạn gốc: 24 tháng và kỳ hạn còn lại từng khoản nợ chuyển đổi: 16,5 tháng;
- Tổng giá trị khoản nợ chuyển đổi: 97.944.000.000 đồng;
- Lãi suất của khoản nợ chuyển đổi: 4%/năm;
- Giá chuyển đổi: 12.000 đồng;
- Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng khoản nợ chuyển đổi: 7,5%/năm;
- Giá trị phần nợ gốc: 93.634.487.543 đồng; Giá trị phần quyền chọn cổ phiếu của từng khoản nợ chuyển đổi: 6.155.269.227 đồng.

## 17. Vốn chủ sở hữu

### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2014	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	31/12/2014
Vốn góp của chủ sở hữu	480.000.000.000	-	-	480.000.000.000
Các quỹ	1.104.557.577	-	-	1.104.557.577
LNST chưa phân phối	(56.209.298.084)	84.529.739.827	20.000.000.000	8.320.441.742
<b>Cộng</b>	<b>424.895.259.493</b>	<b>84.529.739.827</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>489.424.999.319</b>

	01/01/2015	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	31/12/2015
Vốn góp của chủ sở hữu	480.000.000.000	-	-	480.000.000.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	-	6.155.269.227	-	6.155.269.227
Các quỹ	1.104.557.577	986.000.000	-	2.090.557.577
LNST chưa phân phối	8.320.441.742	135.259.148.602	22.586.001.000	120.993.589.344
<b>Cộng</b>	<b>489.424.999.319</b>	<b>142.400.417.829</b>	<b>22.586.001.000</b>	<b>609.239.416.148</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Danh sách cổ đông sáng lập	Theo Đăng ký kinh doanh lần đầu		Vốn góp thực tế tại ngày 31/12/2015	
	Số tiền	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Số tiền
Tổng Công ty Cảng HK Việt Nam	75.000.000.000	25%	16%	75.000.000.000
Công ty CP Gemadept	69.000.000.000	23%	29%	141.250.000.000
Công ty TNHH MTV Sửa chữa Máy bay 41 (trước đây là Công ty Sửa chữa Máy bay A41) (*)	72.000.000.000	24%	15%	72.025.000.000
Công ty Đầu tư Nam Phú Quốc tế	33.000.000.000	11%	11%	53.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Á Châu	27.000.000.000	9%	13%	63.750.000.000
Công ty CP Sóng Việt	24.000.000.000	8%	0%	-
Các cổ đông khác			16%	74.975.000.000
<b>Cộng</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>480.000.000.000</b>

(\*) Tổng trị giá góp vốn của Công ty TNHH MTV Sửa chữa Máy bay 41 là 72.025.000.000 đồng, bao gồm: 125.000.000 đồng (tương đương 12.500 cổ phần phổ thông) góp bằng tiền mặt và 71.900.000.000 đồng (tương đương 7.190.000 cổ phần ưu đãi cổ tức) góp bằng giá trị tiền thuê 14,3 ha đất tại số 06, đường Thăng Long, phường 14, quận Tân Bình, Tp. HCM (Nay là khu đất tại địa chỉ 30 Phan Thúc Duyệt, quận Tân Bình, Tp. HCM) theo Quyết định số 544/QĐ-TL của Bộ Tư Lệnh PK-KQ ngày 03/4/2008.

c) Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	48.000.000	48.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	48.000.000	48.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	40.810.000	40.810.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	7.190.000	7.190.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	48.000.000	48.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	40.810.000	40.810.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	7.190.000	7.190.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp

### d) Lợi nhuận chưa phân phối giảm trong năm do:

- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	986.000.000
- Chi khen thưởng năm 2014	1.600.001.000
- Phân phối lợi nhuận năm 2015 cho Công ty TNHH MTV Sửa chữa Máy bay 41 (Thuyết minh tại Mục số 1 - Phần VII)	20.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>22.586.001.000</b>

### đ) Các quỹ của doanh nghiệp:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	<b>2.090.557.577</b>	<b>1.104.557.577</b>

Quỹ đầu tư phát triển đầu năm đã được trình bày lại theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, bao gồm Quỹ đầu tư phát triển (644.128.916 đồng) và Quỹ dự phòng tài chính chuyển sang (460.428.661 đồng).

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

19. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại: - USD:	<u>16,828.44</u>	<u>125,265.48</u>

### VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu khai thác nhà ga	302.608.380.038	234.267.961.741
- Doanh thu cho thuê sân đậu máy bay	6.997.780.475	11.937.954.917
- Doanh thu cho thuê văn phòng, bãi đậu xe, sân bóng,... và các dịch vụ liên quan	31.040.104.904	28.703.329.237
- Doanh thu khác	444.914.620	555.262.210
<b>Cộng</b>	<u><b>341.091.180.037</b></u>	<u><b>275.464.508.105</b></u>

2. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn khai thác nhà ga	90.202.423.475	80.941.785.117
- Giá vốn cho thuê sân đậu máy bay	6.228.760.546	6.228.760.549
- Giá vốn từ hoạt động cho thuê văn phòng, bãi đậu xe, sân bóng,... và các dịch vụ liên quan	6.766.097.290	5.925.675.317
- Giá vốn khác	147.757.729	166.624.274
<b>Cộng</b>	<u><b>103.345.039.040</b></u>	<u><b>93.262.845.257</b></u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	280.283.797	134.659.423
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	55.104.249
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	103.125	-
<b>Cộng</b>	<u><b>280.386.922</b></u>	<u><b>189.763.672</b></u>

4. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	15.008.747.581	32.448.857.873
- Chi phí lãi thuê tài chính	3.382.386.974	4.859.704.053
- Lãi của khoản nợ chuyển đổi	4.283.474.103	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4.583.912.037	1.383.305.215
- Chi phí tài chính khác	30.555.556	-
<b>Cộng</b>	<u><b>27.289.076.251</b></u>	<u><b>38.691.867.141</b></u>

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm nay	Năm trước
<b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
- Chi phí nhân viên quản lý	26.815.402.498	24.111.271.534
- Chi phí vật liệu quản lý, dụng cụ văn phòng	4.335.421.842	4.205.471.048
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.210.216.024	3.035.093.423
- Thuế, phí và lệ phí	108.442.744	127.586.054
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.933.789.993	4.076.832.620
- Chi phí khác bằng tiền	13.444.743.746	10.531.683.193
<b>Cộng</b>	<b>50.848.016.847</b>	<b>46.087.937.872</b>
b) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Giảm chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	(9.323.843)	-
- Giảm Chi phí dịch vụ mua ngoài	(193.470.166)	-
- Các khoản ghi giảm khác	(40.930.553)	-
<b>Cộng</b>	<b>(243.724.562)</b>	<b>-</b>
<b>Cộng (a) và (b)</b>	<b>50.604.292.285</b>	<b>46.087.937.872</b>
<b>6. Thu nhập khác</b>		
- Thu nhập từ bán công cụ dụng cụ	6.390.000	-
- Thu nhập từ khoản phạt đựng barrier	83.546.240	-
- Thu nhập từ khoản công nợ không phải trả	-	3.602.964
- Thu nhập khác	60.026.993	126.574.263
<b>Cộng</b>	<b>149.963.233</b>	<b>130.177.227</b>
<b>7. Chi phí khác</b>		
- Thù lao HĐQT và BKS	660.000.000	798.500.000
- Chi phí thuế phát sinh	3.704.541.098	20.852.638
- Chi phí phạt BHXH	-	6.791.297
- Chi phí khác	521.326.660	483.937.671
<b>Cộng</b>	<b>4.885.867.758</b>	<b>1.310.081.606</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm nay	Năm trước
<b>8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	11.119.000.825	7.124.269.377
- Chi phí nhân công	59.616.126.398	49.658.401.987
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	54.107.234.832	53.981.684.619
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.575.496.661	14.633.073.974
- Chi phí khác bằng tiền	13.514.993.609	13.837.733.785
<b>Cộng</b>	<b>153.932.852.325</b>	<b>139.235.163.742</b>
<b>9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>155.397.254.858</b>	<b>96.431.717.128</b>
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	8.762.725.251	8.992.075.839
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(1.392.344.161)	-
Chuyển lỗ năm này	-	(51.323.896.144)
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính:</b>	<b>162.767.635.948</b>	<b>54.099.896.823</b>
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động nhà ga	142.461.578.664	42.271.125.633
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh khác	20.306.057.284	11.828.771.190
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	35.808.879.909	11.901.977.301
Thuế TNDN được giảm	(15.670.773.653)	-
<b>Thuế TNDN phải nộp ước tính</b>	<b>20.138.106.256</b>	<b>11.901.977.301</b>
<b>10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	135.259.148.602	84.529.739.827
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (*)	20.000.000.000	21.600.001.000
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	115.259.148.602	62.929.738.827
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	40.810.000	40.810.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.824</b>	<b>1.542</b>

(\*) Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận là do phân phối lợi nhuận năm 2015 cho Công ty TNHH MTV Sửa chữa Máy bay 41 là 20 tỷ đồng và chưa bao gồm việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có kế hoạch trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi của năm 2015.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### VII. Những thông tin khác

#### 1. Các cam kết khác

Công ty phải phân phối lợi nhuận sau thuế hàng năm không phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho Công ty TNHH MTV Sửa chữa Máy bay 41 cho giai đoạn từ năm 2014 đến 2057 theo hợp đồng hợp tác khai thác dịch vụ tổng hợp hàng không số 01/2015/PKKQ- SCSC tháng 01 năm 2015 giữa Công ty và Quân chủng Phòng không – Không quân (đơn vị chủ quản của Công ty TNHH MTV Sửa chữa Máy bay 41)

#### 2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Nghị Quyết số SCSC15/ĐHĐCĐ/NQ/01 ngày 12/02/2015, Đại hội đồng cổ đông đã đồng ý thông qua việc chia cổ tức năm 2014 với tỷ lệ là 4% cho cổ phiếu phổ thông. Theo đó, Công ty đã chi trả cổ tức năm 2014 với số tiền là 15.963.034.820 đồng cho các cổ đông. Tuy nhiên, sau khi Cục thuế TP.HCM quyết toán thuế đến năm 2013, số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến ngày 31/12/2014 không đủ để chia số cổ tức nêu trên. Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty đang thể hiện số cổ tức đã chi ra trên khoản mục phải thu khác (Thuyết minh số V.3 - trang 17) và báo cáo Đại hội đồng cổ đông năm 2016 để quyết toán khoản cổ tức này.

Ngoài sự kiện như đã nêu trên, Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

#### 3. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Hội đồng Quản trị và BKS		Thù lao	660.000.000
Ban Giám đốc		Thu nhập	3.777.589.747
Công ty TNHH MTV Sửa chữa Máy bay 41	Cổ đông	Trả lợi nhuận năm 2015	20.000.000.000

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Số dư	Phải thu / (phải trả)
Hội đồng Quản trị và BKS		Thù lao	(55.000.000)

#### 4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Công ty chỉ có một bộ phận tham gia vào cung cấp dịch vụ tại một môi trường kinh tế.

#### 5. Thông tin so sánh

Số liệu đầu kỳ tại ngày 01/01/2015 đã được trình bày theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính do có sự thay đổi trong Chế độ kế toán doanh nghiệp.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 31/12/2015



(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 6. Số dư đầu kỳ

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành, ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố số dư đầu năm liên quan đến việc truy thu thuế GTGT và TNDN các năm trước theo biên bản thanh tra của Cơ quan thuế cho thời kỳ thanh tra từ năm 2008 đến 2013 của Công ty và việc điều chỉnh lại thuế TNDN của năm 2014 cần phải được điều chỉnh và công bố trên Báo cáo tài chính. Số dư trên Bảng cân đối kế toán và các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty được trình bày lại như sau:

Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán	Số dư 31/12/2014 đã kiểm toán	Số dư tại ngày 01/01/2015 sau điều chỉnh	Chênh lệch
<b>B. NGUỒN VỐN</b>			
Thuế & các khoản phải nộp nhà nước	5.999.527.269	17.399.230.743	11.399.703.474
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19.720.145.216	8.320.441.742	(11.399.703.474)
<b>Cộng ảnh hưởng đến NGUỒN VỐN</b>	<b>25.719.672.485</b>	<b>25.719.672.485</b>	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>945.602.367.368</b>	<b>945.602.367.368</b>	-

Các khoản mục trên kết quả hoạt động kinh doanh	Năm 2014 đã kiểm toán	Năm 2014 sau điều chỉnh	Chênh lệch
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.094.629.412	11.901.977.301	7.807.347.889
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	92.337.087.715	84.529.739.827	(7.807.347.889)
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>1.773</b>	<b>1.542</b>	<b>(231)</b>

Ngô Thị Anh Thư  
Người lập biểu

Lê Xuân Lộc  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Khánh  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 02 năm 2016